

Số 3269/QĐ-UBND

Gia Lai, ngày 29 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 281/NQ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ và Chương trình hành động số 04-CTr/TU ngày 28/11/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;
Căn cứ Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo;*

Căn cứ Nghị quyết số 281/NQ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Chương trình hành động số 04-CTr/TU ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Gia Lai thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 3489/TTr-SGDĐT ngày 22 tháng 12 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 281/NQ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ và Chương trình hành động số 04-CTr/TU ngày 28/11/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (để b/c);
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (để b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (để b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu quốc hội tỉnh;
- Ủy Ban Mặt trận TQVN tỉnh;
- Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Hội, đoàn thể tỉnh;
- Bí thư Đảng ủy các xã, phường (p/h chỉ đạo);
- Báo và Phát thanh, truyền hình Gia Lai;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VP, V7.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lâm Hải Giang

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 281/NQ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ và Chương trình hành động số 04-CTr/TU ngày 28/11/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /12/2025 của UBND tỉnh Gia Lai)

I. MỤC TIÊU

1. Tổ chức thể chế hóa và thực hiện đầy đủ các quan điểm chỉ đạo, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đã đề ra trong Nghị quyết số 71-NQ/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 281/NQ-CP của Chính phủ và Chương trình hành động số 04-CTr/TU ngày 28/11/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Gia Lai thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Gia Lai; nhằm tạo sự đột phá căn bản, toàn diện trong phát triển giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững của tỉnh.

2. Việc xây dựng Kế hoạch cần bảo đảm nguyên tắc "6 rõ": rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ sản phẩm, rõ thẩm quyền. Xác định các hoạt động cho từng nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 71-NQ/TW, Nghị quyết số 281/NQ-CP và Chương trình hành động số 04-CTr/TU; phân công trách nhiệm cụ thể cho các cơ quan, đơn vị để triển khai thực hiện; bảo đảm sự phối hợp thường xuyên, chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị.

3. Bảo đảm tiến độ, chất lượng trong tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo Kế hoạch, nhằm nâng cao chất lượng giáo dục đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

(Chỉ tiêu cụ thể tại Phụ lục I)

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy và hành động, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ để đột phá phát triển giáo dục và đào tạo

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quán triệt, phổ biến sâu rộng các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Nghị quyết số 71-NQ/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 281/NQ-CP của Chính phủ và Chương trình hành động số 04-CTr/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; tạo chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động của các cấp, các ngành và toàn xã hội đối với sự nghiệp phát triển giáo dục và đào tạo.

- Xây dựng, ban hành và triển khai Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 281/NQ-CP của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị và Chương trình hành động số 04-CTr/TU ngày 28/11/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh.

- Xác định phát triển giáo dục và đào tạo là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt trong chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương; chuyển từ quản lý hành chính và tiền kiểm sang quản lý, quản trị dựa trên chuẩn mực, minh chứng, kết quả đầu ra, văn hóa chất lượng.

2. Rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách cho phát triển giáo dục và đào tạo theo hướng đặc thù, vượt trội

- Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của cơ quan quản lý giáo dục theo mô hình chính quyền địa phương hai cấp; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền; tăng cường vai trò của các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo trong việc quyết định về biên chế, tổ chức bộ máy, chính sách đối với nhà giáo và phân bổ ngân sách nhà nước cho ngành giáo dục.

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các chính sách hỗ trợ cho người học là đối tượng chính sách xã hội, người dân tộc thiểu số ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, trẻ mồ côi, trẻ em không nơi nương tựa, người khuyết tật, người thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo; chính sách tín dụng giáo dục, học bổng, trợ cấp xã hội cho người học...

- Nghiên cứu, xây dựng chính sách hỗ trợ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục công tác tại vùng núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; chính sách khuyến khích, ưu đãi đối với giáo viên công tác tại cơ sở giáo dục chuyên biệt và các chính sách về phát triển giáo dục và đào tạo.

3. Tăng cường giáo dục toàn diện đức, trí, thể, mỹ; xây dựng văn hóa trường học; hình thành hệ giá trị con người Việt Nam thời đại mới

- Nghiên cứu đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức, bảo đảm thời lượng phù hợp để tổ chức các hoạt động giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống, phổ biến kiến thức pháp luật, kỹ năng sống cho học sinh.

- Phân định rõ vai trò, trách nhiệm và cơ chế phối hợp giữa gia đình, nhà trường và xã hội trong giáo dục đạo đức, nhân cách cho học sinh; đề cao trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước, cấp ủy, chính quyền địa phương và các tổ chức chính trị - xã hội trong tổ chức thực hiện.

- Tăng cường công tác giáo dục thể chất, hoạt động thể thao, nâng cao dinh dưỡng học đường, bảo vệ và chăm sóc sức khỏe trẻ em, học sinh toàn diện cả về thể chất và tinh thần.

- Đổi mới hình thức, phương pháp dạy học, nâng cao chất lượng, hiệu quả môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh; tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, hướng dẫn thực hiện quy định về công tác bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, nâng cao ý thức trách nhiệm công dân đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Triển khai đồng bộ các giải pháp xây dựng trường học an toàn (phòng chống bạo lực học đường, ma túy học đường, phòng ngừa tội phạm và tệ nạn xã hội trong học sinh, sinh viên) theo các tiêu chí theo quy định tại Thông tư số 124/2021/TT-BCA ngày 28/11/2021 của Bộ Công an.

4. Chuyển đổi số toàn diện, phổ cập và ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số, AI trong giáo dục và đào tạo

- Đẩy nhanh tiến trình chuyển đổi số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong quản trị, quản lý giáo dục; hoàn thiện hệ thống thông tin quản lý và cơ sở dữ liệu của ngành, bảo đảm đồng bộ, thống nhất, kết nối dữ liệu từ các cơ sở giáo dục đến các cấp quản lý giáo dục và cơ sở dữ liệu Quốc gia

- Nghiên cứu ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong đổi mới nội dung, phương pháp dạy học, kiểm tra và đánh giá chất lượng giáo dục; xây dựng và phát triển các mô hình trường học số, trường học thông minh; tăng cường đào tạo từ xa, đào tạo trên nền tảng số nhằm hỗ trợ người yếu thế có điều kiện để học tập suốt đời.

- Đẩy mạnh hợp tác với các doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân trong nghiên cứu, triển khai ứng dụng và thu hút nguồn vốn đầu tư xây dựng các hệ thống công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong ngành giáo dục.

5. Tiếp tục sắp xếp các cơ sở giáo dục công lập tinh gọn, hiệu quả; xây dựng đội ngũ nhà giáo, cơ sở vật chất trường, lớp đạt chuẩn, nâng cao chất lượng giáo dục mầm non và phổ thông

- a) Phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục theo hướng mở, gắn kết liên thông giữa giáo dục phổ thông với giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học, đáp ứng nhu cầu học tập của người dân

- Tiếp tục rà soát, sắp xếp mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông phù hợp với nhu cầu và điều kiện thực tế của mỗi địa phương, địa bàn cụ thể, bảo đảm đủ trường, lớp học và trang thiết bị dạy học, đáp ứng yêu cầu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi, thực hiện giáo dục bắt buộc đối với tiểu học và trung học cơ sở.

- Khuyến khích phát triển cơ sở giáo dục tư thục ở những địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội phát triển.

- Rà soát, sắp xếp mạng lưới cơ sở giáo dục thường xuyên theo hướng giáo dục mở, linh hoạt, hiệu quả bảo đảm đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời của mọi người dân, xây dựng xã hội học tập. Chuyển một số Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thành trường Trung học nghề khi đủ điều kiện.

- Triển khai hiệu quả Quy hoạch hệ thống cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, đảm bảo đủ năng lực, quy mô; chú trọng nghiên cứu, phát triển hệ thống học liệu, thiết bị dạy học chuyên dụng cho trẻ khiếm thị, khiếm thính; đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên hỗ trợ giáo dục hòa nhập.

- Phát triển và nâng cao chất lượng các trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú nhằm duy trì kết quả phổ cập giáo dục và tạo nguồn đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

- Triển khai mô hình trường nội trú, bán trú liên cấp vùng biên giới đất liền, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Rà soát, điều chỉnh các quy hoạch để ưu tiên dành quỹ đất sạch, tập trung giải phóng mặt bằng, giao đất sạch cho các dự án giáo dục và đào tạo bảo đảm đủ diện tích theo các tiêu chuẩn quy định; ưu tiên bố trí trụ sở cơ quan nhà nước đôi

đư sau sắp xếp cho các cơ sở giáo dục, đào tạo.

b) Xây dựng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên ngành giáo dục đủ về số lượng, bảo đảm về chất lượng, hợp lý và đồng bộ về cơ cấu đội ngũ, đạt chuẩn chức danh nghề nghiệp.

- Bố trí đủ biên chế và tuyển dụng đủ số lượng giáo viên, nhân viên trường học theo tiêu chuẩn quy định; tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục tại địa phương.

- Nghiên cứu, xây dựng và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao về giáo dục đào tạo ở các cấp học gắn với hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển đội ngũ.

- Có chính sách khuyến khích, ưu đãi đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên ngành giáo dục công tác tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng bãi ngang, ven biển, hải đảo; nhất là nhà giáo, cán bộ quản lý là nữ, người dân tộc thiểu số, nhà giáo đang công tác trong các cơ sở giáo dục chuyên biệt.

c) Bảo đảm nguồn lực tài chính và cơ sở vật chất cho phát triển giáo dục

- Bố trí ngân sách nhà nước chi cho giáo dục, đào tạo bảo đảm đạt tối thiểu 20% tổng chi ngân sách nhà nước và quản lý sử dụng hiệu quả nguồn lực tài chính cho phát triển giáo dục và đào tạo; kịp thời điều chỉnh tăng mức chi ngân sách cho giáo dục và đào tạo phù hợp với tốc độ tăng trưởng kinh tế của địa phương.

- Nghiên cứu cơ chế phân bổ nguồn lực theo hướng chuyển từ hỗ trợ theo cơ chế cấp phát bình quân sang cơ chế Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ giáo dục theo kết quả đầu ra.

- Tập trung nguồn lực đầu tư xây dựng kiên cố hóa, hiện đại hóa trường, lớp học; bảo đảm đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị đạt chuẩn, đặc biệt chú trọng đầu tư các phòng học thực hành, trải nghiệm STEM/STEAM, không gian vui chơi, môi trường rèn luyện thể chất. Tổ chức xây dựng nhà công vụ, tạo điều kiện thuận lợi cho giáo viên ở xa tới công tác.

- Đẩy mạnh xã hội hóa, khuyến khích cộng đồng, xã hội tham gia phát triển giáo dục, nhất là đầu tư phát triển các loại hình cơ sở giáo dục tư thục, nhất là loại hình tư thục chất lượng cao và không vì lợi nhuận.

d) Tiếp tục đổi mới nội dung, phương pháp dạy học, kiểm tra và đánh giá chất lượng giáo dục

- Chuẩn bị đủ các điều kiện đội ngũ, cơ sở vật chất, đồ dùng, đồ chơi, học liệu, thiết bị dạy học để triển khai thực hiện Chương trình giáo dục mầm non mới và Đề án phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 - 5 tuổi; tăng cường quản lý hoạt động của các cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục, quan tâm hỗ trợ chuyên môn đối với nhóm trẻ, lớp mẫu giáo, lớp mầm non độc lập.

- Thực hiện có hiệu quả chương trình giáo dục phổ thông hướng đến phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực từng cá nhân người học; đẩy mạnh phương thức giáo dục tích hợp Khoa học, Kỹ thuật, Công nghệ, Toán học (STEM) và nghiên cứu khoa học trong trường phổ thông.

- Tổ chức thực hiện tốt công tác giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân

luồng học sinh; tăng cường lồng ghép, tích hợp giáo dục khởi nghiệp vào các môn học và hoạt động giáo dục; bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, thúc đẩy tinh thần doanh nhân, tinh thần khởi nghiệp cho học sinh phổ thông.

- Tiếp tục tổ chức dạy học 2 buổi/ngày phù hợp với tình hình thực tiễn, bảo đảm rõ lộ trình triển khai thực hiện, rõ nguồn lực được huy động; rõ nội dung và phương pháp dạy học, rõ trách nhiệm của các chủ thể, rõ kết quả và chất lượng giáo dục; phối hợp chặt chẽ chính quyền địa phương, các lực lượng xã hội trên địa bàn trong quá trình triển khai để đạt hiệu quả cao nhất.

- Nâng cao chất lượng dạy và học ngoại ngữ ở tất cả các cấp học và trình độ đào tạo; từng bước đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học; khuyến khích dạy học một số môn học bằng ngoại ngữ trong giáo dục phổ thông; đảm bảo đội ngũ giáo viên ngoại ngữ đủ về số lượng và chất lượng;

6. Cải cách, hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp, đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực có kỹ năng nghề cao

- Hiện đại hóa và nâng cao chất lượng đào tạo các trường cao đẳng theo hướng có nghề trọng điểm đạt tiêu chuẩn khu vực và quốc tế; gắn kết đào tạo nghề của các cơ sở giáo dục với đào tạo nghề của các doanh nghiệp; khuyến khích các doanh nghiệp tham gia đào tạo nghề.

- Đổi mới chương trình và phương pháp đào tạo nghề theo hướng đáp ứng yêu cầu doanh nghiệp và thị trường lao động, nhất là đối với các ngành, nghề liên quan đến công nghệ số, năng lượng xanh, năng lượng tái tạo, logistics, công nghiệp phụ trợ... Tích hợp nội dung kỹ năng xanh, kỹ năng số, tư duy khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo trong chương trình đào tạo. Tăng cường chuyển đổi số trong quản lý, giảng dạy và bảo đảm chất lượng; coi chuyển đổi số và ứng dụng AI là khâu đột phá trong đổi mới giáo dục nghề nghiệp.

- Tăng cường chất lượng của công tác dự báo nhu cầu nhân lực của xã hội để điều tiết quy mô, cơ cấu ngành nghề và trình độ đào tạo cho phù hợp với nhu cầu sử dụng.

- Đẩy mạnh đào tạo nghề cho lao động nông thôn gắn với giải quyết việc làm sau đào tạo.

- Xây dựng, phát triển Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Quy Nhơn thực hiện chức năng Trung tâm vùng đào tạo; Trường Cao đẳng Gia Lai và Trường Cao đẳng Y tế Gia Lai theo định hướng đào tạo và thực hành ngành nghề chất lượng cao với các ngành nghề trọng điểm đạt chuẩn khu vực.

7. Phát triển các cơ sở giáo dục đại học trên địa bàn, tạo đột phá phát triển nhân lực trình độ cao và nhân tài, phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo

- Hỗ trợ phát triển Trường Đại học Quy Nhơn thành trung tâm đào tạo - nghiên cứu trọng điểm khu vực, đại học đa ngành phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong đó tập trung các ngành mũi nhọn: sư phạm, khoa học tự nhiên, công nghệ, công nghiệp bán dẫn, AI.

- Đẩy mạnh hợp tác giữa Trường Đại học Quy Nhơn và các cơ sở đào tạo đại học, các viện nghiên cứu, các doanh nghiệp để thực hiện mô hình liên kết 3 nhà,

tăng cường năng lực đào tạo và nghiên cứu khoa học, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Hỗ trợ hoạt động đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp và hợp tác giữa cơ sở giáo dục đại học với doanh nghiệp; hình thành văn hóa khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo trong các cơ sở giáo dục đại học và mạng lưới đổi mới sáng tạo, phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo trong các cơ sở giáo dục đại học

8. Giải pháp đột phá kết nối đào tạo và giải quyết việc làm

- Phát triển chương trình hướng nghiệp chuyên sâu, triển khai sớm, lồng ghép giáo dục STEM/STEAM và các mô-đun dạy nghề sơ cấp; đặc biệt tập trung vào các ngành phục vụ phát triển kinh tế bền vững của địa phương (như chế biến nông sản, nông nghiệp công nghệ cao, du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng...) ngay trong quá trình học tập tại trường phổ thông.

- Đẩy mạnh liên kết đào tạo nghề với giải quyết việc làm; triển khai hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia. Tổ chức đào tạo nghề cho học sinh sau tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông và lao động nông thôn, gắn kết các cơ sở giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp; cam kết đầu ra, bảo đảm việc làm và thu nhập ổn định cho người học.

- Nghiên cứu xây dựng và nhân rộng mô hình dạy nghề thích ứng, hỗ trợ việc làm tại cộng đồng cho người khuyết tật; ban hành các chính sách khuyến khích, ưu đãi cụ thể đối với các doanh nghiệp, hợp tác xã sử dụng nhiều lao động là người khuyết tật.

- Tăng cường phối hợp giữa nhà trường với các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, trung tâm dịch vụ việc làm và cơ sở giáo dục nghề nghiệp nhằm xây dựng hệ sinh thái hỗ trợ giáo dục hướng nghiệp toàn diện, thiết thực, hiệu quả.

9. Đẩy mạnh hợp tác và hội nhập quốc tế trong giáo dục và đào tạo

- Tăng cường hợp tác nghiên cứu khoa học, trao đổi giảng viên, sinh viên với các cơ sở giáo dục trong và ngoài nước.

- Tiếp tục huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực quốc tế cho phát triển giáo dục (viện trợ, hỗ trợ kỹ thuật, vốn ODA, vốn vay ưu đãi...); ưu tiên cho các dự án về chuyển đổi số, chip bán dẫn, AI, đào tạo nhân lực chất lượng cao, nghiên cứu khoa học và hỗ trợ giáo dục vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Tăng cường hợp tác quốc tế trong giảng dạy tiếng Việt, lan tỏa giá trị văn hóa và truyền thống Việt Nam và Gia Lai tại các nước, nhất là trong cộng đồng người Việt Nam và Gia Lai ở nước ngoài.

- Mở rộng hợp tác giáo dục và đào tạo với các tỉnh Nam Lào và Đông Bắc Campuchia.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nguồn kinh phí thực hiện

- Ngân sách Trung ương và nguồn vốn lồng ghép trong các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, kế hoạch, dự án khác của Trung ương.

- Ngân sách địa phương được bố trí trong dự toán hàng năm.

- Nguồn vốn huy động từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.
- Nguồn tài chính khác theo quy định của pháp luật.

2. Tổng kinh phí dự kiến: Khoảng 21.000 tỷ đồng.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm

- Là cơ quan thường trực tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này
- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, UBND các xã, phường triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp được phân công trong Kế hoạch và Phụ lục kèm theo Kế hoạch.

- Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát, cho ý kiến về nội dung chuyên môn; định kỳ hằng tháng, quý, năm tổng hợp thông tin, số liệu về tình hình, kết quả thực hiện Kế hoạch, báo cáo UBND tỉnh để báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Bộ Giáo dục và Đào tạo (báo cáo hằng năm trước ngày 01 tháng 12), trong đó có nội dung đề xuất điều chỉnh, bổ sung các mục tiêu, chỉ tiêu, nội dung của Kế hoạch nếu cần thiết.

2. Sở Tài chính có trách nhiệm

Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND các xã, phường tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí để triển khai Kế hoạch theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

3. Các sở, ngành có trách nhiệm

- Chủ trì triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp được phân công trong Kế hoạch và Phụ lục kèm theo Kế hoạch.
- Phối hợp với các sở, ngành triển khai thực hiện các nhiệm vụ có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

4. Ủy ban nhân dân các xã, phường có trách nhiệm

- Căn cứ tình hình thực tế của địa phương để xây dựng kế hoạch, đề án chi tiết, cụ thể hóa các chỉ tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch để triển khai thực hiện tại địa phương.

- Huy động các nguồn lực và bố trí kinh phí để triển khai Kế hoạch theo phân cấp quản lý ngân sách.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Kế hoạch trên địa bàn, định kỳ tổng hợp, báo cáo tình hình, kết quả thực hiện về Sở Giáo dục và Đào tạo.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc cần sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế các sở, ngành, địa phương chủ động đề xuất, gửi Sở Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.



PHỤ LỤC 1

DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU CỤ THỂ

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 12 năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)*

1. Mục tiêu đến năm 2030

- Tỷ lệ trường được công nhận đạt chuẩn quốc gia đạt ít nhất 80,5%; trong đó trường phổ thông đạt chuẩn quốc gia đạt từ 82% trở lên.
- Hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi và giáo dục bắt buộc bậc trung học cơ sở.
- Tỷ lệ người trong độ tuổi hoàn thành chương trình trung học phổ thông hoặc tương đương đạt từ 90% trở lên.
- Tỷ lệ người trong độ tuổi theo học các trình độ sau trung học phổ thông ít nhất 50%.
- Tỷ lệ người lao động có trình độ cao đẳng, đại học trở lên đạt tối thiểu 25%.
- Tỷ lệ học sinh là người dân tộc thiểu số sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở tham gia học nghề đạt ít nhất 30%.
- 100% phòng học được kiên cố hóa, đảm bảo điều kiện về cơ sở vật chất để tổ chức dạy học 2 buổi/ngày theo lộ trình; nâng cấp, xây dựng mới các trường học phải bảo đảm tính lưỡng dụng, kết hợp làm nơi sơ tán dân trong khu vực thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiên tai, bão lũ, dịch bệnh.
- Đầu tư phòng học bộ môn, phòng học giáo dục STEM theo hướng hiện đại, đồng bộ; đáp ứng yêu cầu “học đi đôi với hành”, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục hướng nghiệp và phát triển năng lực học sinh.
- 100% cơ sở giáo dục nghề nghiệp đạt chuẩn quốc gia (đạt chuẩn kiểm định chất lượng); trong đó có ít nhất 01 cơ sở giáo dục nghề nghiệp được đầu tư hiện đại, tương đương với các nước phát triển trong khu vực châu Á.
- 100% giáo viên đạt trình độ chuẩn chức danh nghề nghiệp; trong đó giáo viên trình độ trên chuẩn đạt từ 30% trở lên.
- Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đạt ít nhất 31.121 lao động.

2. Mục tiêu đến năm 2035

- Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi.
- Hoàn thành phổ cập trung học phổ thông và tương đương.

3. Tầm nhìn đến năm 2045

- Chú trọng xây dựng đội ngũ nhân lực chất lượng cao; thu hút, trọng dụng nhân tài, nhất là trong các lĩnh vực khoa học, công nghệ, coi đây là động lực phát triển và lợi thế cạnh tranh cốt lõi của tỉnh. Bảo đảm cơ hội học tập suốt đời cho mọi người dân; nâng cao trình độ, kỹ năng, phát huy tối đa tiềm năng của mỗi cá nhân; xây dựng xã hội học tập toàn diện, bền vững.
- Xây dựng hệ thống giáo dục và đào tạo phát triển hiện đại, toàn diện và bền vững, đáp ứng kịp thời yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, nhất là nhu cầu

về nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Triển khai hiệu quả mô hình giáo dục đặc thù đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số; bảo đảm công bằng, bình đẳng trong tiếp cận giáo dục, tạo điều kiện để học sinh dân tộc thiểu số học tập, rèn luyện và nâng cao trình độ./



PHỤ LỤC 2
DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 281/NQ-CP NGÀY 15/9/2025 CỦA CHÍNH PHỦ VÀ CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG SỐ 04-CTR/TU NGÀY 28/11/2025 CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 71-NQ/TW NGÀY 22/8/2025 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ VỀ ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH
(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)

STT	Tên nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
I	Nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy và hành động, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ để đột phá phát triển giáo dục và đào tạo				
1	Xây dựng, ban hành và triển khai Kế hoạch tuyên truyền thường xuyên, sâu rộng về Nghị quyết số 71-NQ/TW, Nghị quyết số 281/NQ-CP, Chương trình hành động số 04-CTr/TU theo hướng đa dạng hóa hình thức, cụ thể hóa nội dung tuyên truyền.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ngành, địa phương, các cơ sở giáo dục trực thuộc	Các kế hoạch, hoạt động được thực hiện	Hàng năm
2	Tăng cường thời lượng, chất lượng tin bài tuyên truyền thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW và các chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo, thể hiện nhất quán quan điểm giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, quyết định tương lai dân tộc; phát triển giáo dục và đào tạo là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước và của toàn dân.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch truyền thông	Báo và phát thanh – truyền hình tỉnh và các cơ quan thông tấn, báo chí	Tin, bài, phóng sự	Thường xuyên

STT	Tên nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
3	Xây dựng, ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 281/NQ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ và Chương trình hành động số 04-CTr/TU ngày 28/11/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Gia Lai về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Gia Lai.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ngành, địa phương	Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh	Tháng 12/2025
II	Rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách cho phát triển giáo dục và đào tạo theo hướng đặc thù, vượt trội				
4	Xây dựng, ban hành, triển khai Kế hoạch thực hiện Nghị định số 277/2025/NĐ-CP ngày 20/10/2025 của Chính phủ về phổ cập giáo dục trẻ em từ 3 đến 5 tuổi trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026-2030.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Nội vụ, Sở Tài chính, các địa phương	Quyết định ban hành Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh	Quý I/2026
5	Thực hiện Quyết định số 2458/QĐ-UBND ngày 31/10/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình “Nâng cao chất lượng giáo dục mầm non ở địa bàn đô thị, khu công nghiệp giai đoạn 2025-2035, định hướng đến năm 2045”.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Nội vụ, Sở Tài chính, các địa phương	Các kế hoạch, hoạt động được thực hiện	Hàng năm
6	Nghiên cứu xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định mức hỗ trợ đối với trẻ mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu, cụm công nghiệp; giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non công lập, tư thục và cơ sở giáo dục mầm non độc lập dân lập, tư thục ở địa bàn có khu, cụm công nghiệp trên địa bàn	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Nội vụ, Sở Tài chính, Sở Tư pháp, các địa phương	Nghị quyết của HĐND tỉnh	Quý II/2026

STT	Tên nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
	tỉnh.				
7	Nghiên cứu xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định mức hỗ trợ tiền ăn cho học sinh dân tộc thiểu số học nội trú tại các trường phổ thông dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Nội vụ, Sở Tài chính, Sở Tư pháp, các địa phương	Nghị quyết của HĐND tỉnh	Quý II/2026
8	Nghiên cứu xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định chính sách khuyến khích đối với học sinh, giáo viên, viên chức quản lý các trường Trung học phổ thông chuyên trên địa bàn tỉnh.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Nội vụ, Sở Tài chính, Sở Tư pháp, các địa phương	Nghị quyết của HĐND tỉnh	Quý II/2026
9	Nghiên cứu xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định một số nội dung và mức chi để hỗ trợ thực hiện Đề án Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Nội vụ, Sở Tài chính, Sở Tư pháp, các địa phương	Nghị quyết của HĐND tỉnh	Quý IV/2026
10	Nghiên cứu xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định nội dung và mức chi hỗ trợ khuyến khích người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số tham gia học xóa mù chữ thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Nội vụ, Sở Tài chính, Sở Tư pháp, các địa phương	Nghị quyết của HĐND tỉnh	Quý IV/2026
11	Chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương rà soát, điều chỉnh các quy hoạch, bảo đảm bố trí đủ diện tích cho các cơ sở giáo dục và đào tạo theo các tiêu chuẩn quy định.	Sở Xây dựng	Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Nông nghiệp và Môi trường	Quyết định phê duyệt, điều chỉnh quy hoạch	Thường xuyên

STT	Tên nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
12	Nghiên cứu xây dựng Nghị quyết đặc thù của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ cho giáo viên công tác vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Nội vụ, Sở Tài chính, Sở Tư pháp, các địa phương	Nghị quyết của HĐND tỉnh	Quý II/2026
13	Đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ đào tạo đội ngũ giáo viên đối với các môn học còn thiếu, ưu tiên giáo viên mầm non, giáo viên tiếng Anh, đáp ứng yêu cầu đổi mới, phát triển giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Nội vụ, Sở Tài chính, Trường Đại học Quy Nhơn, các địa phương	Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh	Quý II/2026
III	Tăng cường giáo dục toàn diện đức, trí, thể, mỹ; xây dựng văn hóa trường học; hình thành hệ giá trị con người Việt Nam thời đại mới				
14	Tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, văn hóa học đường trong các nhà trường; xây dựng và triển khai hiệu quả các mô hình giáo dục đạo đức, lối sống, các thiết chế, mô hình văn hóa học đường.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở ban ngành, đoàn thể tỉnh, các địa phương	100% các cơ sở giáo dục có quy tắc ứng xử văn hóa, các kế hoạch, hoạt động được thực hiện	Hàng năm
15	Xây dựng, ban hành, triển khai Quy chế phối hợp trách nhiệm giữa gia đình, nhà trường và xã hội trong giáo dục đạo đức, nhân cách người học.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các địa phương	Các kế hoạch, hoạt động được thực hiện	Hàng năm
16	Xây dựng, triển khai Đề án/Kế hoạch nâng cao dinh dưỡng học đường và phát triển giáo dục thể chất trong các cơ sở giáo dục	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Y tế	Nghị quyết/quyết định phê duyệt Đề án/Kế hoạch	Sau khi có quy định của Chính phủ

STT	Tên nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
17	Xây dựng các giải pháp ngăn ngừa, hạn chế tối đa những ảnh hưởng tiêu cực từ cơ chế thị trường, truyền thông, mạng xã hội đối với học sinh, sinh viên; ngăn chặn, đẩy lùi tiến tới chấm dứt ma túy học đường.	Công an tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Y tế, các địa phương	Các kế hoạch, hoạt động được thực hiện	Hàng năm
18	Hướng dẫn các cơ sở giáo dục thực hiện các Tiêu chí công nhận cơ sở giáo dục đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự” theo Thông tư số 124/2021/TT-BCA ngày 28/11/2021 của Bộ Công an.	Công an tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Y tế, các địa phương	Các kế hoạch, hoạt động được thực hiện	Hàng năm
19	Triển khai Đề án đào tạo nghề gắn với cung ứng và giải quyết việc làm cho người lao động. Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực là người dân tộc thiểu số giai đoạn 2026-2030 của địa phương.	Sở Nội vụ	Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tài chính, các địa phương	Các kế hoạch, hoạt động được thực hiện (UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 3123/QĐ-UBND ngày 19/12/2025)	Hàng năm
IV	Chuyển đổi số toàn diện, phổ cập và ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số, AI trong giáo dục và đào tạo				
20	Triển khai các nền tảng giáo dục số dùng chung, tích hợp học tập trực tuyến, kho học liệu số, hồ sơ - sổ sách điện tử, cơ sở dữ liệu giáo dục và trực tích hợp dữ liệu ngành; từng bước ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong quản lý, dạy học.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính, Sở Nội vụ, các địa phương	Các kế hoạch, hoạt động được thực hiện	Hàng năm

STT	Tên nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
21	Triển khai Đề án phát triển giáo dục STEM trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026-2030.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính, các địa phương	Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh	Hàng năm
V	Tiếp tục sắp xếp các cơ sở giáo dục công lập tinh gọn, hiệu quả; xây dựng đội ngũ nhà giáo, cơ sở vật chất trường, lớp đạt chuẩn, nâng cao chất lượng giáo dục mầm non và phổ thông				
22	Xây dựng, triển khai Kế hoạch sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Nội vụ, các địa phương	Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh	Năm 2026
23	Xây dựng, triển khai Đề án bảo đảm cơ sở vật chất, thiết bị dạy học các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026-2030, bảo đảm đạt chuẩn quốc gia.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Nội vụ, các địa phương	Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh	Hàng năm
24	Xây dựng, triển khai Kế hoạch/đề án đào tạo nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Tài chính, Sở Nội vụ, các địa phương	Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh	Quý I/2026
25	Xây dựng, triển khai Đề án phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú theo định hướng giáo dục nghề nghiệp, gắn với thực hiện nhiệm vụ giáo dục an	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Tài chính, Sở Nội vụ, các địa phương	Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh	Quý II/2026

STT	Tên nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
	ninh, quốc phòng giai đoạn 2026-2030.				
26	Xây dựng, triển khai Kế hoạch thực hiện Đề án xây dựng các trường nội trú, bán trú cho học sinh phổ thông ở vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo giai đoạn 2025 - 2030, tầm nhìn đến năm 2035	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Tài chính, Sở Dân tộc và Tôn giáo; Ủy ban nhân dân các xã	Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh	Sau khi Chính phủ ban hành Đề án
27	Xây dựng, triển khai Đề án củng cố, phát triển cơ sở giáo dục chuyên biệt và xây dựng Trung tâm hỗ trợ giáo dục hòa nhập dành cho trẻ khuyết tật trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Trong đó tập trung phát triển học liệu cho trẻ khiếm thị, khiếm thính và đào tạo giáo viên hỗ trợ.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Tài chính, Sở Nội vụ, các địa phương	Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh	Quý II/2026
28	Xây dựng, triển khai Kế hoạch thực hiện Đề án đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học giai đoạn 2025-2035, tầm nhìn đến năm 2045.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Sở Ngoại vụ, các địa phương	Quyết định ban hành Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh	Quý II/2026
29	Xây dựng, triển khai Kế hoạch dạy học 2 buổi/ngày trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026-2030.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Tài chính, Sở Nội vụ, các địa phương	Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh	Quý II/2026
VI	Cải cách, hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp, đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao				
30	Xây dựng Đề án/dự án phát triển Trường Cao đẳng Kỹ	Trường	Sở Giáo dục và Đào	Quyết định của Ủy	

STT	Tên nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
31	thuật Công nghệ Quy Nhơn thực hiện chức năng Trung tâm vùng đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao.	Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Quy Nhơn,	tạo, Sở Nội vụ, Sở Tài chính	ban nhân dân tỉnh	
32	Xây dựng Đề án/dự án phát triển Trường Cao đẳng Gia Lai, Trường Cao đẳng Y tế Gia Lai thành trường chất lượng cao.	Trường Cao đẳng Gia Lai, Trường Cao đẳng Y tế Gia Lai	Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Nội vụ, Sở Tài chính	Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh	
33	Xây dựng Chương trình bồi dưỡng nghề gắn với giải quyết việc làm tại chỗ cho đồng bào người dân tộc thiểu số ở các ngành nghề phù hợp	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Nội vụ, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, các địa phương	Các kế hoạch, hoạt động được thực hiện	Hàng năm
34	Tổ chức đào tạo nghề cho học sinh sau tốt nghiệp THCS, THPT và lao động nông thôn, gắn kết các cơ sở giáo dục nghề nghiệp với các doanh nghiệp, cam kết đầu ra sau khi tốt nghiệp, bảo đảm việc làm và thu nhập ổn định.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Nội vụ, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Dân tộc và Tôn giáo, các trường cao đẳng, các cơ sở giáo dục, các địa phương	Các kế hoạch, hoạt động được thực hiện	Hàng năm

STT	Tên nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
35	Nghiên cứu xây dựng mô hình dạy nghề thích ứng, hỗ trợ việc làm tại cộng đồng; tham mưu chính sách khuyến khích doanh nghiệp, hợp tác xã sử dụng lao động là người khuyết tật	Sở Y tế	Sở Giáo dục và Đào tạo, các trường cao đẳng, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, các địa phương, các doanh nghiệp, các Hợp tác xã	Các kế hoạch, cơ chế chính sách	Hàng năm
IX	Đẩy mạnh hợp tác và hội nhập quốc tế trong giáo dục và đào tạo				
36	Triển khai thực hiện Đề án cấp học bổng toàn phần gửi các nhà khoa học trẻ, sinh viên xuất sắc đi đào tạo tại các trường đại học hàng đầu thế giới về các công nghệ chiến lược	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Ngoại vụ, các địa phương	Các thỏa thuận hợp tác, biên bản ghi nhớ hợp tác	Hàng năm
37	Triển khai thực hiện Đề án “Đưa công dân Việt Nam đi học tại Liên bang Nga, Trung Quốc, các nước Đông Âu và các nước thuộc Liên Xô cũ giai đoạn 2026 - 2035”	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Ngoại vụ, Sở Tài chính, các địa phương	Các thỏa thuận hợp tác, biên bản ghi nhớ hợp tác	Hàng năm